TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22/4/2024
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý;

2. Ông Lê Văn Khanh.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1207/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn N H, sinh năm 19yy; Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C , Thành phố H. (bà Nguyễn N H có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Nguyễn T H, sinh năm 19yy; Địa chỉ: số tt Đường số A1, khu phố T, phường T1, quận B, Thành phố H (ông Nguyễn T H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn của bà Nguyễn N H và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn N H trình bày: Vào ngày xx/yy/20zz bà Nguyễn N H và ông Nguyễn T H đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, Thành phố H và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số ii, quyển số

aa/20zz. Sau khi kết hôn, quá trình hai bên chung sống cùng nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Nguyễn T H thường xúc phạm, thậm chí đánh đập bà Nguyễn N H nên bà Nguyễn N H đã về nhà cha mẹ ruột cư trú nên bà Hoa và ông Hải sống ly thân từ năm 20zz. Nay bà Nguyễn N H nhận thấy không còn niềm tin, tình cảm với ông Nguyễn T H, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn N H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn T H.

- Về con chung: bà Nguyễn N H và ông Nguyễn T H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn N N, sinh ngày xx/yy/20zz và Nguyễn G H, sinh ngày xx/yy/20zz.

Từ khi hai bên sống ly thân, 02 trẻ Nguyễn N N và Nguyễn G H chung sống cùng ông Hải, nên nay bà Nguyễn N H đồng ý giao 02 (hai) con chung nêu trên cho ông Nguyễn T H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn N H tự thỏa thuận với ông Nguyễn T H.

- Về tài sản chung: bà Nguyễn N H tự khai không có tài sản chung.

- Về nợ chung: bà Nguyễn N H tự khai không có nợ chung.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn N H có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn T H có ý kiến trình bày tại Tòa án vào ngày xx/yy/20zz như sau: ông Nguyễn T H đồng ý với lời trình bày của bà Nguyễn N H về thời điểm hai bên phát sinh quan hệ hôn nhân; về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Về mâu thuẫn vợ chồng, ông Nguyễn T H tự khai hai bên không có mâu thuẫn gì, hai bên sống ly thân từ năm 20zz là do bà Nguyễn N H tự bỏ nhà theo bạn bè đi làm ăn.

Nay bà Nguyễn N H yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn T H có ý kiến như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* ông Nguyễn T H không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn N H.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu về ly hôn của bà Nguyễn N H thì ông Nguyễn T H có ý kiến về các vấn đề khác như sau:

- *Về con chung:* ông Nguyễn T H xác nhận hai bên có 02 (hai) con chung tên Nguyễn N N, sinh ngày xx/yy/20zz và Nguyễn G H, sinh ngày xx/yy/20zz. Ông Nguyễn T H yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung có tên nêu trên.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* ông Nguyễn T H không yêu cầu bà Nguyễn N H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* ông Nguyễn T H tự khai không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn N H có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn T H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- *Về nội dung:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn N H và ông Nguyễn T H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống cùng nhau hai bên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn niềm tin và tình cảm, không quan tâm và chăm sóc nhau chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2004, việc bà Nguyễn N H yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn T H là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: bà Nguyễn N H và ông Nguyễn T H xác nhận hai bên có 02 (hai) con chung tên Nguyễn N N, sinh ngày xx/yy/20zz và Nguyễn G H, sinh ngày xx/yy/20zz, hai bên thỏa thuận ông Nguyễn T H là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn N H, ông Nguyễn T H tự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét đơn xin ly hôn của bà Nguyễn N H, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn"; bị đơn lả ông Nguyễn T H có nơi cư trú tại địa chỉ số tt, Đường số A, khu phố T, phường T1, quận B, Thành phố H. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2ii5.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn N H có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn T H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2ii5, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn N H, ông Nguyễn T H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn N H đối với ông Nguyễn T H, Hội đồng xét xử căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Nguyễn N H, ông Nguyễn T H thấy rằng: Trong thời gian chung sống cùng nhau, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân.

Về phía bị đơn, vào ngày 09/04/2024 tại Tòa án – ông Nguyễn T H có trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, hôn nhân là sự tự nguyện, khi một trong hai bên không còn muốn chung sống với nhau chứng tỏ hôn nhân không hạnh phúc. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để ông Nguyễn T H tham gia phiên hòa giải để tạo cơ hội cho bà Nguyễn N H và ông Nguyễn T H giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng ông Nguyễn T H vắng mặt, điều đó thể hiện ông Nguyễn T H không có thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn N H và ông Nguyễn T H đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà Nguyễn N H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn T H, căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2ii4, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] *Về con chung:* bà Nguyễn N H và ông Nguyễn T H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn N N, sinh ngày xx/yy/20zz và Nguyễn G H, sinh ngày xx/yy/20zz.

Xét, từ khi hai bên sống ly thân, 02 trẻ Nguyễn N N và Nguyễn G H chung sống cùng ông Hải, nay bà Nguyễn N H đồng ý giao 02 (hai) con chung nêu trên cho ông Nguyễn T H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân ông Nguyễn T H cũng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: do bà Nguyễn N H đề nghị tự thỏa thuận, ông Nguyễn T H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] *Về tài sản chung, nợ chung:* bà Nguyễn N H, ông Nguyễn T H tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn N H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2ii5.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2ii6/UBTVQH14 ngày 30/12/2ii6 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn N H đối với ông Nguyễn T H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn N H được ly hôn với ông Nguyễn T H (Giấy chứng nhận kết hôn số ii, quyển số 1/2023, ngày xx/yy/20zzdo Ủy ban nhân dân xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn N H và ông Nguyễn T H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- *Về con chung:* ông Nguyễn T H và bà Nguyễn N H có 02 (hai) con chung tên Nguyễn N N, sinh ngày xx/yy/20zzvà Nguyễn G H, sinh ngày xx/yy/20zz. Ông Nguyễn T H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn N N, sinh ngày xx/yy/20zzvà Nguyễn G H, sinh ngày xx/yy/20zz.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* bà Nguyễn N H không cấp dưỡng nuôi con chung, ông Nguyễn T H không yêu cầu bà Hoa cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* bà Nguyễn N H, ông Nguyễn T H thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về án phí:* bà Nguyễn N H chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026689 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn N H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:* bà Nguyễn N H ông Nguyễn T H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND cùng cấp;
-TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
-Chi cục THADS quận Bình Tân;
-Các đương sự;
-Nơi đăng ký kết hôn;
-Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2ii

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 172/2ii9/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2ii9 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2ii9/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2ii9, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Hoàng Yến, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Tạm trú: 357 đường Tân Hòa Đông, khu phố 13, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh Hưng, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: ấp Bình Giang 2, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Tạm trú: 357 đường Tân Hòa Đông, khu phố 13, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định . . . /3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2ii5;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2ii4;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2ii6/UBTVQH14 ngày 30/12/2ii6 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Hoàng Yến đối với ông Trần Thanh Hưng.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2ii3, quyển số ii/2ii3, cấp ngày 26/11/2ii3 của Ủy ban nhân dân phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có ii (một) con chung tên Trần Dương Quỳnh Thư sinh ngày 21/7/2ii5. Giao trẻ Trần Dương Quỳnh Thư cho bà Dương Hoàng Yến được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Hoàng Yến về việc không yêu cầu ông Trần Thanh Hưng cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2ii4, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2ii4; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: bà Dương Hoàng Yến khai không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Dương Hoàng Yến phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Yến đã nộp theo biên lai thu số 0046336 ngày 20/02/2ii9 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Yến đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2ii4 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử đã nghị án theo từng vấn đề: về pháp luật áp dụng, về yêu cầu của đương sự, về án phí và quyền kháng cáo. Mỗi vấn đề đều biểu quyết...../3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ....., ngày.....tháng.....năm 2ii.....

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2ii9,

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú.

Đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 172/2ii9/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2ii9 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2ii9/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2ii9, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Hoàng Yến, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: ấp Mỹ Phó, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Tạm trú: 357 đường Tân Hòa Đông, khu phố 13, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh Hưng, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: ấp Bình Giang 2, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Tạm trú: 357 đường Tân Hòa Đông, khu phố 13, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không rõ lý do.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3 về các vấn đề sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2ii5.

1. Hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 171/2ii9/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2ii9 về việc: "Ly hôn".

2.Thời gian, địa điểm mở lại phiên toà xét xử vụ án được ấn định như sau:

Phiên toà dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 02 tháng 10 năm 2ii9 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 422/1 đường Hồ Học Lãm, phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày .....

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Giang **Huỳnh Thị Cẩm Tú** **Lê Thị Tuyết**